TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2026/DS-PT
Ngày 29 - 9 - 2026
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất về lối đi chung; chấm dứt hành vi cản trở và tháo dỡ vật cản trở trên lối đi.

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hải Anh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Khánh Vân và ông Đặng Phi Long

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hoan - Thư ký viên chính.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai***: Bà Phùng Thị Minh Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 29 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2026/TLPT-DS ngày 22-8-2026, về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất về lối đi chung; chấm dứt hành vi cản trở và tháo dỡ vật cản trở trên lối đi*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2026/DS-ST ngày 22-7-2026 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 129/2026/QĐ-PT ngày 23/9/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng K; CCCD số: 034061017035 và bà Nguyễn Thị S, CCCD số: 015163005007 (bà S uỷ quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Văn K1); Ông K1 có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Trọng K: Ông Phạm Tuấn A - Luật sư thuộc Công ty L8 - Phú Thọ, Văn phòng đại diện tại Tuyên Quang, Địa chỉ: Số nhà H tổ A, phường A, tỉnh Tuyên Quang. Đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S1, CCCD số: 034060015624 và bà Nguyễn Thị L, CCCD số: 034160027728; *c*ùng địa chỉ: Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai. Ông S1 có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân (UBND) xã G, tỉnh Lào Cai, địa chỉ: Thôn B (N cũ), xã G, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Lê H - Chủ tịch UBND xã G, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn H1 - Phó Chủ tịch UBND xã G, tỉnh Lào Cai. Đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Trọng H2, CCCD số: 015088008283. Có mặt.
3.3. Chị Nguyễn Thị H3, CCCD số: 015184007199. Có mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn N (C cũ), xã G, tỉnh Lào Cai.
Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Trọng H2, chị Nguyễn Thị H3 là ông Nguyễn Trọng K,
3.4. Chị Nguyễn Thị H4; CCCD số: 015190007582. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn N (H cũ), xã G, tỉnh Lào Cai.
3.5. Ông Lò Văn Ơ, sinh năm 1959; CCCD số: 015059003308. Có mặt.
3.6. Anh Lò Văn L1, sinh năm 1981; CCCD số: 0150810012813. Vắng mặt.
3.7. Anh Lò Văn T, sinh năm 1985; CCCD số: 015085008066. Vắng mặt.
3.8. Anh Lò Văn C, sinh năm 1989; CCCD số: 015089004096. Vắng mặt.
3.9. Chị Lò Thị T1, sinh năm 1980; CCCD số: 015180010458. Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn N (C cũ), xã G, tỉnh Lào Cai.
3.11. Anh Lò Văn L2, sinh năm 1985; CCCD số : 015085010313.
Địa chỉ: Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.
3.12. Bà Phạm Thị K2, sinh năm 1961; CCCD số: 034161019558.
3.13. Anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1984; CCCD số: 015084010100.
3.14. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990; CCCD số: 015090007763.
Cùng địa chỉ: Thôn N, (C cũ), xã G, tỉnh Lào Cai. Đều vắng mặt.
3.15. Chị Nguyễn Thị L4, sinh năm 1987; CCCD số: 015187012493;
Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.
3.16. Chị Nguyễn Thị L5, sinh năm 1986; CCCD số: 015186004800;
Địa chỉ: Thôn N (H cũ), xã G, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.
3.17. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987; CCCD số: 015087006846;
Địa chỉ: Thôn M, xã G, tỉnh Lào Cai. Có mặt.
3.18. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1984; CCCD số: 015184006553;
3.19. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1982; CCCD số: 015182004935;
3.20. Anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1994; CCCD số: 015094007981;
Người đại diện hợp pháp của anh Q1: Ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị Lơ .
Cùng địa chỉ: Thôn N (C cũ), xã G, tỉnh Lào Cai.
3.21. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; CCCD số: 015190003609;
Địa chỉ: Thôn N (C cũ), xã G, tỉnh Lào Cai; Chỗ ơ: Ngõ E, B phường L, Hà Nội. Vắng mặt.
4. Người làm chứng:
4.1. Ông Trần Văn T4, sinh năm 1972. Vắng mặt.
4.2. Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1964. Có mặt.
4.3. Ông Nguyễn Hữu H5, sinh năm 1964. Có mặt
4.4. Ông Nguyễn Công N1, sinh năm 1957. Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn N (C cũ), xã G, tỉnh Lào Cai.
4.5. Ông Trần Văn S2, sinh năm 1958. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn N (T cũ), xã G, tỉnh Lào Cai.
4.6. Bà Lường Thị B, sinh năm 1956 (vợ ông Lò Văn S3 đã chết)
Địa chỉ: Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

4.7. Ông Bàn Phúc K3, sinh năm 1968. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai.
- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn S1 - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn K1 và bà Nguyễn Thị S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, trình bày:

Năm 1988, gia đình ông K1 có mua của ông Nguyễn Văn S4 là chủ nhiệm Hợp tác xã (HTX) Nậm Cườm 01 thửa đất tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ) đến năm 1990 thì làm nhà, ở ổn định trên thửa đất này cho đến nay. Đến năm 2000 thì được UBND huyện V (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số seri Q368384, số vào sổ 00144 QSDĐ/87/QĐUBH ngày 7/8/2000 với diện tích 1.540 m^2, địa chỉ thửa đất tại thôn C, xã N, huyện V (cũ) trong đó: Đất ở nông thôn 190m^2, đất vườn tạp 1.350m^2, nhưng diện tích đất sử dụng hiện tại là 10.000 m^2. Khi nhận chuyển nhượng đất của ông Lò Văn S3, ông K1 được ông S3 chỉ dẫn sử dụng lối đi từ Quốc lộ C qua đường liên thôn vào thửa đất, quá trình sử dụng đất, gia đình ông K1, bà S đi bằng lối đi này và sử dụng chung với các gia đình ông Lò Văn Ơ và các gia đình con cháu ông Ơ. Lối đi này có nguồn gốc là lối đi chung của người dân, được sử dụng từ khoảng năm 1974 là lối đi để chăn thả gia súc và đi đến khu vực trồng chè, sản xuất của nhiều hộ dân. Khoảng năm 2020, lối đi bị sạt lở, để bảo đảm việc đi lại, ông K1, bà S đã đổ bê tông, nâng cấp lối đi đang tranh chấp nhưng làm được khoảng 20m thì ông Nguyễn Văn S1 không đồng ý nên đã tháo nước ao làm trôi con đường bê tông vừa đổ chưa kịp khô. Tiếp đó, ngày 27/3/2022, cây cầu do ông Khuynh tự xây dựng bằng bê tông cốt thép bắc qua suối B(P)L6 cũng bị ông S1 phá hủy, sau đó ông S1 rào chặn lối đi và làm cổng khoá lại không cho riêng ông K1, bà S sử dụng chỉ để các hộ dân khác đi lại. Từ khi tranh chấp đến nay gia đình ông K1, bà S không có lối đi nào khác để sang đường liên thôn mà phải lội dọc theo lòng của suối B (P) Lếch ra đường quốc lộ 32C.

Vì vậy ông K1 và bà S khởi kiện yêu cầu xác định lối đi đang tranh chấp là lối đi chung, yêu cầu ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị L chấm dứt việc ngăn cản việc sử dụng lối đi chung, trả lại lối đi chung cho hộ ông bà và các hộ dân trong khu vực sử dụng; Yêu cầu ông S1, bà L bồi thường thiệt hại do phá hủy lối đi, cây cầu bắc qua suối B (P) Lếch với số tiền là 6.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông Nguyễn Trọng K và bà Nguyễn Thị S đã rút phần yêu cầu bồi thường này.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm và ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày: Năm 1980 ông S1 và bà L khai phá thửa đất trước đây thuộc bãi chăn thả của HTX C3 có địa chỉ tại thôn C, xã G, tỉnh Lào Cai, đã được cấp GCNQSDĐ số 00183/QSDĐ/87 ngày 07/8/2000 của UBND huyện V, trên thửa đất này ông bà đã xây dựng 01 ngôi nhà và ở từ đó cho đến nay. Trước năm 1980 khi ông S1 chưa về ở thì người dân của thôn đi lấy củi, hái măng, đi rừng thì họ đi từ đường liên thôn đi qua khu đất của nhà ông Trần Văn T4 và

ông Nguyễn Văn Q2, bà Phạm Thị K2, khi ông Q2 về ở thì rào hết lối đi lại. Sau đó HTX N2 cho người Dao mượn đất làm nương khoảng 02 năm, gia đình ông cho họ đi nhờ qua sân, sau đó đến hộ gia đình ông Ơ và các con cháu cũng đi nhờ qua sân nhà ông. Đến năm 1990 ông K có mua thửa đất bên kia suối và về đó ở, thửa đất này tách biệt với thửa đất của gia đình ông bằng con suối B (P) Lếch nhưng bị vây bọc bởi các thửa đất của gia đình Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Văn Q2, Trần Văn T4 và ông nên khi đến ở thì ông K, bà S đã xuống hỏi gia đình ông để mở nhờ lối đi và ông bà đồng ý, cho mở một lối đi ven đất ở của gia đình ông và một phần nằm trên cổng nhà ông Q2 bà K2. Khi cho đi nhờ ông, bà tự nguyện, không thu bất kỳ chi phí nào. Khoảng năm 2022, ông K đổ bê tông lối ông không đồng ý nên đã báo cáo với chính quyền địa phương, công an ngăn cản nhưng ông K vẫn tiếp tục làm nên ông đã dỡ bỏ đoạn đường đổ bê tông và đầu cầu bắc qua phần đất của gia đình ông nên bị chính quyền xử phạt 24 triệu đồng. Sau đó ông đã làm cổng bằng cọc sắt, rào bằng lưới b40, khóa cổng và đánh chìa khóa cho người dân đi nhờ, không cho gia đình ông K bà S đi lại lối đi này.

Mâu thuẫn đã được UBND xã giải quyết, ông xác định lối đi là cho đi nhờ, gia đình ông K muốn đi lại phải xin phép gia đình ông. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông bà Khuynh S5.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều trình bày: Trước năm 1978-1979 người dân đi lại từ khu vực đường liên thôn C đi lên khu vực bãi chăn thả của HTX N2 để chăn thả gia súc nên hình thành một lối mòn, lối mòn này bắt đầu từ đường liên thôn đi qua phần đất của gia đình ông S1, bà L, ông bà Quân K4 quản lý đến bờ suối B (P) Lếch có chiều dài khoảng từ 50- 60m, chiều rộng không đồng đều, có đoạn rộng từ 1,5m - 2m, có đoạn rộng hơn 2m là phần lối đi hiện đang xảy ra tranh chấp là đoạn 1. Khi đó lối mòn đoạn 1 này không có ai ở nên các hộ gia đình của hai thôn C và Nậm C1 thường xuyên đi lại làm nương rẫy, đến khoảng năm 1982 các gia đình ông bà Soát L7, Q, ông S2 (sau này ông S2 bán đất cho ông T4) đến sinh sống thì ông Ơ, ông S1, ông Q2 thống nhất với nhau là để một lối đi phía sau nhà ông Q2 giáp với đất nhà ông S1 bà L7. Năm 1990 ông K bà S5 về ở thì cùng sử dụng lối đi này để đi vào thửa đất của gia đình ông K, bà S5, ngoài sử dụng lối đi này không còn lối đi nào khác. Đến năm 1999-2000 các gia đình được cấp GCNQSDĐ và vẫn sử dụng lối đi này để vào nhà và canh tác sản xuất. Đoạn thứ hai của lối đi bắt đầu từ bờ suối tiếp giáp với đoạn 1 (đoạn 1 cách đoạn 2 bởi lòng suối) đi qua suối đi trên phần đất của gia đình ông K, bà S5 để lên trên khu vực đất trồng chè của gia đình ông Ơ và các gia đình khác, đoạn 2 này có chiều dài khoảng 89m, chiều rộng 3m. Trước khi gia đình ông K bà S5 đến ở lối đi này đã có và chạy thẳng lên bãi chăn thả, khi ông K bà S5 đến ở thì lối đi chạy dọc sau nhà ở hiện nay của ông K bà S5. Năm 2016 ông K bà S5 dựng rào chắn làm ảnh hưởng đến việc đi lại, ông Ơ và anh L1, C, T, chị T1 đã khởi kiện, sau đó các bên đã thỏa thuận về việc sử dụng lối đi chung ở đoạn này và được Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (cũ) công nhận tại Quyết định số 05/2017/QĐST-DS ngày 08-5-2017. Lối đi bao gồm cả đoạn 1 và đoạn 2 được nhiều người dân sử dụng, thường xuyên là các gia đình ông Ơ, anh L1, anh T, anh C, anh L2, chị T1, gia đình ông S1, bà L7. Năm 2021- 2022, ông bà Khuynh S5 đã

trồng cây, láng vữa lên đoạn 1 lối đi, ông bà S không đồng ý nên xảy ra mâu thuẫn. Ông bà S1 Lơ rào lại lối đi, không cho ông bà Khuynh S5 đi lại nữa nhưng vẫn cho gia đình ông Ơ và người khác đi. Đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Khoảng tháng 3/2024 ông S1 đồng ý nên ông Ơ và các anh L1, T, L2, C, chị T1 đã tự góp tiền và công để sửa chữa, đổ bê tông toàn bộ lối đi đoạn 1 và đoạn 2 chiều dài là khoảng 189m rộng khoảng 60cm - 70cm. Nhưng khi ông bà Khuynh S5 khởi kiện, ông bà Soát L7 đã rào cả lối đi (đoạn 2 đã được Tòa án giải quyết bằng quyết định công nhận) không cho chúng tôi đi đến phần đất của mình nữa, việc này chúng tôi đã yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết, không liên quan đến vụ án này.

Bà Nguyễn Thị K5 trình bày: Trước khi gia đình bà và gia đình ông S1 chưa về ở chỉ trồng trọt tại khu đất này, người dân vẫn đi lại để làm nương và chăn thả gia súc qua khu đất của gia đình bà và gia đình ông S1. Đến năm 1982-1983 gia đình bà làm nhà ở thì người dân đi lại có hỏi đi nhờ, nên hai gia đình đã thống nhất để cho người dân đi lại từ đường liên thôn lên khu chăn thả gia súc bằng con đường đi qua cổng nhà bà ra phía sau nhà giáp với đất của ông bà Soát L7 (là lối đi đang tranh chấp). Việc cho người dân đi nhờ là gia đình bà tự nguyện, không yêu cầu ai thanh toán gì, không ngăn cản, không có tranh chấp gì với ông K bà S5 và ông S1 bà L7. Nay ông K bà S5 khởi kiện đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 819/UBND-KT ngày 27-5-2026 của UBND xã G, tỉnh Lào Cai xác định: Về nguồn gốc, thời điểm hình thành, sử dụng diện tích 59,8 m^2 lối đi đang tranh chấp (trong đó có 12,7m thuộc hành lang suối P Lếch), UBND xã G đã xác minh tại thôn bản, xin ý kiến của nhưng người dân sinh sống lâu năm tại khu vực này và nhận được các ý kiến khác nhau, không thống nhất. Một số người cho rằng tại đây có lối đi do những người dân đi chăn thả bò cho HTX và chính họ đã được đi qua đây từ những năm 1980, cũng có một số ý kiến là con đường này hình thành từ sau năm 1990 (thời điểm gia đình ông Nguyễn Trọng K mua đất và chuyển đến sinh sống ở đây). Như vậy, con đường này được xác định là có và được người dân trong khu vực sử dụng để đi lại chăn nuôi, sản xuất. Từ trước đến nay, phần diện tích lối đi nêu trên chủ yếu do các hộ gia đình, cá nhân có nhà và đất sản xuất phía trong (khu chăn thả cũ) sử dụng, việc sử dụng là công khai, không có tranh chấp. Đến năm 2017 phát sinh tranh chấp giữa gia đình ông Nguyễn Trọng K và 06 hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất phía trong và nay là tranh chấp giữa gia đình ông K và gia đình ông S1.

Xác minh tại xã N cũ và xã G hiện tại cho biết không có bản đồ địa chính, cũng không có tài liệu đo đạc qua các thời kỳ tại khu vực này (trừ sơ đồ thửa đất khi cấp GCNQSDĐ). Do đó diện tích 59,8m^2 lối đi đang tranh chấp không có hồ sơ quản lý, không có sổ mục kê và không được thể hiện trên bản đồ địa chính. Qua kiểm tra cũng chưa có hộ gia đình, cá nhân nào đã từng kê khai, đăng ký đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích này. Lối đi đang tranh chấp không nằm trong danh mục đường giao thông nông thôn do UBND xã quản lý, là lối đi tự phát, đường đi sản xuất phục vụ một nhóm các hộ gia đình, cá nhân quanh khu vực.

Khu vực suối P Lếch hiện nay chưa được cơ quan có thẩm quyền, UBND xã Nậm Búng cũ và hiện tại là UBND xã G thực hiện việc cắm mốc, đưa hành lang bảo vệ nguồn nước vào quản lý. Những diện tích đất HNK 496,2m^2; HNK 416,6m^2 và HNK 12,7m^2 do UBND xã G quản lý chung, người dân được sử dụng nhưng không được công nhận quyền sử dụng đất (không được cấp GCNQSDĐ do quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước). Còn lại các phần diện tích đất chưa được cấp GCNQDSDĐ và không thuộc hành lang bảo vệ nguồn nước bao gồm HNK 495,1m^2; HNK 26,5m^2 và 47,1m^2 (lối đi tranh chấp) do UBND xã G quản lý. Theo quy định của pháp luật, người dân được nhà nước công nhận và được cấp GCNQSDĐ đối với những thửa đất đáp ứng các điều kiện: Đất không có tranh chấp, nguồn gốc sử dụng đất rõ ràng và sử dụng ổn định, liên tục. Đối với diện tích 11,5m^2 của hộ ông Nguyễn Văn S1 đã được cấp GCNQSDĐ năm 2000 là đúng theo quy định của pháp luật tại thời điểm đó do Luật tài nguyên nước không quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước. Ngoài ra, UBND xã không có bất kỳ hồ sơ nào khác liên quan đến nguồn gốc, quá trình kê khai, đăng ký, xét duyệt cấp GCNQSDĐ đối với các thửa đất liên quan.

Ông Nguyễn Hữu H5, nguyên là Trưởng thôn Chấn Hưng 5 cũ cung cấp: … ông không biết ông K có thỏa thuận với ông bà Soát L7 về lối đi hay không nhưng trước khi ông K bà S5 đến ở thì không có lối đi. Thửa đất của ông bà Khuynh S5 bị bao bọc bởi các thửa đất khác, không có lối đi nào khác ngoài lối đi đang tranh chấp, lối đi này là việc thỏa thuận giữa ông bà Khuynh S5 và ông bà Soát L7, không phải là lối đi chung. Năm 2000 đoàn công tác về đo đạc cấp GCNQSDĐ cho thôn thì các hộ được cấp giấy, sơ đồ cụ thể như thế nào ông không biết.

Ông Phạm Xuân C2, là Trưởng thôn Chấn Hưng hiện nay cung cấp: Từ khi ông C2 lớn lên đã thấy mọi người đi lại lối đi đang tranh chấp, hiện ông S1 bà L7 cho rằng lối đi nằm trên đất của mình, ông K bà S5 cho rằng lối đi có từ trước, đã sử dụng từ lâu. Hai gia đình phát sinh tranh chấp là do ông K bà S5 muốn đổ bê tông con đường, ông S1 bà L7 không đồng ý do lo sợ ông K bà S5 sau khi làm đường sẽ làm cổng rào lại không cho mọi người sử dụng nữa. Ông S1 không cho ông K bà S5 đi nhưng cho các hộ con cháu ông Lò Văn Ơ và bà con đi. Thửa đất của ông bà Khuynh S5 bị vây bọc bởi các thửa đất của ông S1, ông Q2 bà K5, ông T4, ông Đ. Ngoài lối đi đang tranh chấp ông bà Khuynh S5 và các gia đình trong đó không có lối đi nào khác, từ khi ông S1 bà L7 ngăn cản gia đình ông K bà S5 phải lội suối để ra đường. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

Ông Trần Văn S2 cung cấp: Năm 1985 ông S2 về ở thôn C 5 cũ sinh sống, tại đây có gia đình ông S2, gia đình ông S1 bà L7 và ông Q2 bà K5 ở sát cạnh nhau, sau đó ông K bà S5 mua đất và đến ở tại thôn N cũ, hai thôn cách nhau là suối B Lếch và không có lối đi lại vì họ rào và đào hào để chăn nuôi, sau đó người Dao đến chăn nuôi thì có hỏi với gia đình ông S1 xin một đường để cho trâu bò đi lại một lối nhỏ, sau đó ông K bà S5 đến ở có xin đi nhờ ông S1 bà L7. Trước đó người Dao không mượn được đất vào khu chăn thả thì họ phải đi lối của Nậm Cườm cách đó hơn 1 km vòng lên đỉnh đồi đi xuống, đường rất xa và khó đi, tại thời điểm năm 1985 không có lối đi nào tới khu đất của ông bà Khuynh S5, lối đi thuộc đất ông S1.

Ông Trần Văn T4 cung cấp: Từ năm 1995 ông T4 mua lại thửa đất của ông Trần Văn S2 về sinh sống ở gần lối đi có tranh chấp. Ông T4 không biết về nguồn gốc lối đi đó, chỉ biết các gia đình ông Lò Văn Ơ và con cháu, gia đình ông K bà S5 đều đi lại, không biết vì lý do gì đến nay ông S1 không cho gia đình ông Khuynh S5 đi. Ngoài lối đi đang tranh chấp, ông K bà S5 không có lối đi nào khác để vào nhà.

Ông Nguyễn Đình Đ cung cấp: Ông Đ ở trên thửa đất tại thôn C ở từ năm 1997, đất của ông Đ gần đất của gia đình ông K bà S5, cách nhau một khe nước, thửa đất của ông bà Khuynh S5 được mua lại của ông S3 Hợp tác xã N, con đường đi đang tranh chấp hiện nay đã có từ năm 1974, ông Đ đã từng đi chăn bò qua lối đi này, hiện nay gia đình ông Đ không sử dụng lối đi này, sau khi ông K bà S5 về ở thì sử dụng lối đi này, ngoài lối đi trên không có lối đi nào khác vào nhà ông K, bà S5. Thửa đất nhà ông Đ không có đường cho ông bà Khuynh S5 đi được.

Bà Lường Thị B cung cấp: Bà là vợ của ông Lò Văn S3 (đã chết năm 2015), kết hôn năm 1972, kể từ khi lấy nhau đến trước khi ông S3 mất, gia đình bà không có nương, đồi nào thuộc khu vực thôn N cũ, bà không mua bán đất gì và ông S3 cũng không kể lại là bán bán thửa đất nào cho nhà ông Khuynh S5.

Ông Bàn Phúc K3 cung cấp: Năm 1988 ông K3 có đến khu bãi chăn thả của HTX N2, thôn N để khai phá làm nương trồng lúa, sản xuất khoảng 03 năm thì bỏ đất không, sau đó ai làm thì không biết. Khi gia đình làm nương thì đi từ đường thôn thôn C đi qua đất của nhà ông S1, ông S2 (sau này là ông T4), không xác định được đường đi qua đất của ông S1 hay ông S2. Đây là lối mòn đi vào nương có hướng từ đường xóm về suối B, lội qua suối để sang nương, sau đó ông không biết lối đi này còn tồn tại không.

Ông Nguyễn Công N1 cung cấp: Từ những năm 1974 khi sinh sống tại thôn C, được biết có 01 lối đi mà người dân thường đi lấy củi và chăn thả gia súc, đãi vàng bắt đầu từ đường liên thôn C chạy qua khu vực đất của gia đình ông S1 bà L7, ông Q2 bà K5 quản lý đi qua suối Blếch theo hướng đông tây chạy qua khu vực đất của ông bà Khuynh S5 hiện nay để lên khu vực rừng thông. Sau này Nhà nước cấp GCNQSDĐ cho ông S1 bà L7, ông Q2 bà K5, ông T4 thì người dân và ông bà Khuynh S5 vẫn đi lại qua lối đi này. Từ năm 1987 ông N1 có đi lối đi này để đi đào vàng cho đến nay không có gì thay đổi. Lối đi chia làm hai đoạn, ranh giới giữa các đoạn là suối B, đoạn 1 từ đường liên thôn đến bờ suối, thời điểm ông N1 làm trưởng thôn đoạn này không có tranh chấp, các hộ dân đi lại để trồng trọt và dẫn nước sinh hoạt về; đoạn 2 từ suối đi lên khu vực rừng thông từ những năm 2016, 2017 thì gia đình ông Lò Văn Ơ và các con cháu có tranh chấp với ông K bà S5, sau đó các bên tự thỏa thuận được với nhau và được Tòa án công nhận, sau này đoạn 1 có tranh chấp thì ông N1 không được biết.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14-4-2026 của Toà án khu vực 4-Lào Cai thể hiện:

Hiện trạng sử dụng đất của các hộ như sau: Hộ ông Nguyễn Văn S1 có tứ cận: Phía Bắc giáp đất đồi của chủ hộ Nguyễn Văn S1, phía Nam giáp đất nhà bà Phạm Thị K2 và ông Nguyễn Văn Q2 (đã chết), phía Nam và phía tây giáp đường xóm (có mảnh trích đo địa chính), trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, mái lợp blu xi

măng, tường gạch và gỗ, có công trình phụ kèm theo, phía trước nhà có 01 sân đổ bê tông lợp mái tôn; Hộ ông Nguyễn Văn Q2 (đã chết) có vợ là bà Nguyễn Thị K5 có tứ cận: Phía Nam giáp đất ông Trần Văn T4, phía đông giáp suối B Lếch, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn S1 và đường xóm; phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn S1, trên đất có 01 ao cá và 01 lán bằng gỗ;

Hiện trạng lối đi đang tranh chấp: Lối đi bắt đầu từ phía Tây giáp đường xóm chạy dọc đến phía đông giáp bờ suối BLếch có chiều dài khoảng 55m đến 59 m có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn S1, phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị K5, phía Nam giáp đường xóm, phía Đông giáp suối, phía Tây giáp đường liên thôn. Lối đi được đổ bê tông có chiều rộng khoảng 70cm, dày khoảng 08cm, dài khoảng 59m, trên lối đi đang được ông S1 bà Lơ dựng 01 cổng khung sắt, giăng lưới B40, khóa cổng, phía đông giáp bờ suối có một phần để lối đi xuống lòng suối, phần còn lại đường rào bằng lưới B40 ngăn cách 02 thanh Bê tông và 02 thanh gỗ bắc qua suối BLếch nối một đầu với lối đi, một đầu với khu đất của hộ gia đình ông Khuynh S5. Lối đi này là lối đi duy nhất mà hộ gia đình ông Khuynh S5 sử dụng đi lại, sinh hoạt, sản xuất (có mảnh trích đo địa chính).

Tại Mảnh trích đo địa chính số 13-2026 thôn C, xã G do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực N, tỉnh Lào Cai lập ngày 13/5/2026, thể hiện như sau:

Toàn bộ diện tích khu đất là 2.699.2 m^2 được xác định bằng các điểm mốc giới: Từ số 01 đến số D, trong đó:

- Thửa số 01: Có các mốc giới: Số A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 1 có diện tích: 1572.3 m2.

- Thửa số 02 (lối đi đang tranh chấp): Có các mốc giới: Số H, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 8, có diện tích: 59,8 m2.

- Thửa số 03: Có các mốc giới: Số C, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, có diện tích: 1067.1 m2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2026/TCDS-ST ngày 22-7-2026 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai đã quyết định:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 229; Điều 244; Điều 271; Điều 273; của BLTTDS; Điều 11; khoản 5 Điều 26; Điều 31 Luật đất đai năm 2024; khoản 1 Điều 3; Điều 10; khoản 2 Điều 11 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại số tiền 6.000.000 đồng của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Trọng K và bà Nguyễn Thị S đối với đồng bị đơn ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị Lơ .

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Trọng K và bà Nguyễn Thị S đối với đồng bị đơn ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị L về tranh chấp lối đi chung, buộc chấm dứt hành vi cản trở quyền đi lại trên lối đi chung và buộc tháo dỡ các vật dụng cản trở lối đi chung.

2.1. Xác định lối đi đã được đổ bê tông có diện tích 59,8 m^2 tại thôn C nay là thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai, được xác định bằng các mốc giới (tại thửa số 2): Số 8, số 9, số A, số A, số 12, số 13, số 14, số A, số A, số 27, số 28, số 29, số 30, số 31, số 32, số 33, số 34, số 35, số 8 theo sơ đồ Mảnh trích đo địa chính số 13-2026 khu vực thôn C do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực N, tỉnh Lào Cai lập ngày 13-5-2026 là lối đi chung (kèm theo sơ đồ Mảnh trích đo địa chính số 13-2026 khu vực thôn C do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực N, tỉnh Lào Cai lập ngày 13/5/2026, là phần không tách rời của Bản án).

2.2. Buộc ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị L tháo dỡ các vật dụng cổng khung sắt, rào lưới B40 và các vật dụng dùng để ngăn trên lối đi chung (phần phía Tây và phía Đông của lối đi).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết đinh về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án dân sự.

Ngày 10/8/2026 bị đơn ông Nguyễn Văn S1 kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2026/TCDS-ST ngày 22-7-2026 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có mặt tại phiên tòa giữ nguyên lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn đơn ông Nguyễn Văn S1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2026/DS-ST ngày 22/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4-Lào Cai; Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 BLTTDS Ông S1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quảtranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn S1 đúng hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Tranh chấp quyền sử dụng đất về lối đi chung; chấm dứt hành vi cản trở và tháo dỡ vật cản trở trên lối đi thuộc thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai, tòa án nhân dân khu vực 4 Lào Cai thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự, Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tham gia tố tụng: Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc được triệu tập hợp lệ 02 lần mà vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn S1 cho rằng lối đi đang tranh chấp là đất của gia đình ông nếu ai đi qua thì phải được sự đồng ý của gia đình ông. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị L đã cung cấp thêm đơn xác nhận của 30 hộ dân đã có thời gian canh tác đất ở xung quanh lối đi đang tranh chấp, thể hiện từ năm 1980 họ đã thường xuyên đi qua lối đi này để vào khu canh tác của họ, lối đi lên khu canh tác là đi nhờ qua đất ông S1 quản lý.

Tuy nhiên, về căn cứ pháp lý: UBND xã G xác nhận phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc phạm vi quản lý của UBND xã, chưa được cấp GCNQSDĐ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào...

Tại kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14-4-2026, Toà án cấp sơ thẩm tiến hành đo đạc hiện trạng và đối chiếu hồ sơ cấp GCNQSDĐ thể hiện: Phần diện tích lối đi tranh chấp 59,8m² nằm ngoài phạm vi diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông S1, bà L và hộ gia đình ông Q2, bà K5, trong đó có 12,7m² thuộc hành lang bảo vệ nguồn nước suối BLếch. Như vậy, không có căn cứ xác định phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp riêng của hộ gia đình ông S1, bà L và hộ gia đình ông Q2, bà K5.

Về thực tế sử dụng đất: Lối đi đã được hình thành và nhiều người dân sử dụng ổn định từ trước thời điểm gia đình ông S1, bà L đến sinh sống tại khu vực. Nên đo là hiện trạng khách quan đã tồn tại từ trước, không phát sinh từ sự đồng ý hay cho phép của gia đình ông S1, bà L. Ông S1, bà L trình bày đã khai phá diện tích đất đó nhưng thừa nhận các hộ gia đình khác thường xuyên sử dụng lối đi này từ những năm 1980 và ông K, bà S sử dụng từ năm 1990, ông S1 bà L không ngăn cản ai đi lại. Chỉ khi mâu thuẫn với gia đình ông K, bà S thì ông bà không cho gia đình ông K, bà S đi qua lối này nữa. Ngoài lối đi này gia đình ông K, bà S và các hộ dân khác không còn lối đi nào để tiếp cận đường giao thông.

UBND xã G, tỉnh Lào Cai xác định tại sơ đồ đo trích thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn Q2, bà Phạm Thị K2 lập khi cấp GCNQSDĐ năm 2000 có thể hiện một dải đất kéo dài được ghi chú là "đường", có vị trí và hướng tuyến phù hợp với lối đi đang tranh chấp, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, kết quả xác minh tại địa phương và hiện trạng sử dụng đất.

Quyết định số 05/2017/QĐST-DS ngày 08/5/2017 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đã công nhận quyền sử dụng chung đối với đoạn lối đi phía bên kia suối (đoạn lối đi thứ hai), nhưng để tiếp cận được đoạn lối đi này người dân phải đi qua đoạn lối đi thứ nhất bắt đầu từ đường liên thôn đến bờ suối, là phần diện tích 59,8m² đang tranh chấp trong vụ án này. Vì vậy, Quyết định đó không chỉ mang tính pháp lý mà nó phản ánh nhu cầu đi lại thực tế của các hộ dân,

khẳng định sự tồn tại liên tục của toàn bộ tuyến lối đi từ đường liên thôn đến khu vực đất sản xuất của gia đình bên trong lối đi.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định lối đi đang tranh chấp hiện nay đã được hình thành, tồn tại ổn định trên thực tế từ trước năm 1980, diện tích đất của lối đi (59,8m^2) không có hồ sơ quản lý, sổ mục kê và không được thể hiện trên bản đồ địa chính; không có hộ gia đình, cá nhân nào kê khai, đăng ký sử dụng; lối đi có thể hiện trên sơ đồ cấp đất cho người dân cạnh lối đi (hộ bà K2) và không nằm trong diện tích đã được cấp GCNQSDĐ của bất kỳ hộ gia đình nào. Hơn nữa, đây là lối đi duy nhất để các hộ gia đình đã sinh sống ổn định từ trước, đã được nhà nước công nhận có nhà, đất ở ở phía trong tiếp cận được đường giao thông. Nên cần khẳng định đây là lối đi chung.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2026/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai.

[6] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Dân sự; Điều 11; khoản 5 Điều 26; Điều 31 Luật Đất đai năm 2024; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 03/2026/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S1 phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000626 ngày 21-8-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT1, TAND tối cao;
- VKSND Tối Cao;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- THADS khu vực 4;
- TAND khu vực 4;
- Lưu HS, HCTP, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Hải Anh

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T5